



## **BUỒN VUI QUANH CHIẾC KHẨU TRANG**

*Nguyễn Diễm Nga - K17/2*

*Khẩu trang buồn như một chiếc khăn tang  
Thâm tiên biệt bao nhiêu người xấu số  
Che khuất nụ cười còn đang dang dở  
Héo hắt dần theo cơn số tăng nhanh*

*Khi khắp nơi cơn đại dịch hoành hành  
Mỗi mái ấm trở thành nơi trú ẩn  
Khi thế giới bỗng chìm trong hoạ nạn  
Mỗi bàn tay gom góp chút niềm tin*

*Khẩu trang buồn, tiếng nói cũng lặng im  
Trong tâm thức kẻ vọng lời kinh khỏ  
Hãy đeo lấy như một lời nhắc nhở  
Mến yêu thêm từng hơi thở yên bình*

**L**à một vật thể biểu tượng cho cơn đại dịch Covid quả là một nỗi khổ tâm, cho dù bạn có là vật cứu cánh đi nữa, cảm giác cũng không dễ chịu chút nào!

Đó chính là tôi! Kẻ đã mang thân phận một chiếc khẩu

trang trong mùa dịch.

Tôi chỉ là một trong muôn triệu những mảnh che chắn trên gương mặt loài người kể từ cuối năm 2019 khi dịch Covid xuất hiện.

Thật ra chúng tôi đã hiện hữu trong cõi đời này từ rất lâu rồi!

Từ những ngày mà ông cố, ông sơ của dòng tộc siêu vi khuẩn Corona này xuất hiện trên quả địa cầu này, thì tổ phụ của chúng tôi cũng đã có mặt để chế tài không cho chúng tác ai, tác quái. Tổ phụ của chúng tôi có mặt trong lĩnh vực y khoa, trong các phòng thí nghiệm, các phòng mổ, các phòng khám để thực hiện nghĩa vụ của mình.

Còn nhớ trong những bộ phim cổ trang, khi có những trận đánh xáp-lá-cà bao giờ bạn cũng thấy có một giàn những chiếc khiên đồng sáng loá, đúng không nào? Nhiệm vụ của những chiếc khiên này là che chắn cho người chiến sĩ tránh được những mũi gươm giáo của đối thủ đâm vào tử huyệt bảo vệ mạng sống. Nghĩa vụ của chúng tôi cũng thế, có khác chăng là bạn không thể thấy được đối thủ Covid bởi vì chúng vô hình.

Sự vô hình khiến cho cuộc chiến càng gay go và khó khăn hơn. Càng nguy hiểm hơn nữa khi đối thủ vừa có phép “tàng hình” lại vừa có thuật “thần thông biến hoá” từ dạng này sang dạng khác. Khi tôi viết bài này thì Covid biến dạng “Delta Variant” đang hoành hành tại Ấn Độ và lây lan nhanh sang các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, đang hứng chịu đau thương.

Trở lại với thân phận mỏng manh mềm yếu của chúng tôi, tuy không cứng cáp như đồng như thép kia, nhưng chúng tôi có thể dịu dàng ôm lấy gương mặt người từ vùng xoang má, qua sống mũi thanh cao và bao trọn xuống vùng cằm để cương quyết không cho vi khuẩn Covid xâm nhập qua tử huyệt mũi-họng đi vào buồng phổi.

Trộm nghĩ, chúng ta cũng nên nhắc lại sự khác biệt trong

tin thần và thái độ của con người đón nhận chiếc khẩu trang vào đời sống ở những nơi chốn khác nhau trên quả địa cầu một chút!

Ở các nước Đông Nam Á do đã quen bị “hù dọa” bởi những đợt cúm SARS lây lan trước đó, và nhất là do môi trường đông dân, bị ô nhiễm bởi bụi bặm và khói xe, nên hầu hết người dân đều tự nguyện và quá quen thuộc với việc đeo khẩu trang để tự bảo vệ mình. Vì vậy, nay có phải đeo khẩu trang để chống Covid thì cũng là điều tất yếu nên làm và chẳng phiền hà gì.

Ở các nước Trung Đông nơi có nhiều tín đồ Hồi Giáo thì việc mang khẩu trang cũng không khác mấy so với việc phải mang mạng che mặt chỉ chừa ra hai con mắt, cho nên họ cũng chẳng mấy câu nệ.

Tuy nhiên, ở các nước Âu Tây, phải gắn một thứ che gần hết khuôn mặt của mình và ảnh hưởng đến hơi thở, giọng nói thì lại là một phần xâm lấn tự do cá nhân đáng kể đối với khối dân tự do vốn yêu chuộng và tôn thờ chủ nghĩa cá nhân. Chính vì vậy, để có thể dễ dàng chấp nhận việc đeo khẩu trang, họ phải tự thay đổi ý thức hệ của mình bằng nhiều cách, kể cả sáng tạo.

Điều này dẫn đến một bước ngoặt thú vị trong “kiếp khẩu trang” của chúng tôi, bởi vì đời sống của chúng tôi từ một mảnh vải y tế đơn điệu, tầm thường, xài xong một lần là “disposable” nay bỗng chốc ...lên hương...thăng hoa góp mặt trong ngành thời trang của loài người.

Chất liệu làm nên chúng tôi cũng muôn hình vạn trạng.

N95 được biết đến như là một phiên bản sáng giá, đúng nghĩa nhất, chuẩn mực nhất trong gia tộc khẩu trang chống Covid được dùng trong nhà thương và những cơ quan y tế chính thức. Còn lại là cả một bầu trời sáng tạo nghệ thuật dành cho những người dân trong đời sống riêng.

Chúng tôi bỗng chốc được biến hoá thành muôn màu ngàn sắc và thêm nhiều ý nghĩa. Người đeo khẩu trang có thể qua

chúng tôi để biểu hiện nhân sinh quan, niềm tin tôn giáo, xu hướng chính trị, có khi kể cả những lời thổ lộ tình yêu nữa qua những họa tiết, ngôn ngữ... trưng đầy hết lên trên vuông vải mềm che ngang mặt!

Chúng tôi có thể từ màu đen trang nhã xếp ly theo kiểu đai lưng Tuxedo cho đến ton-sur-ton nền nã đồng màu với từng bộ trang phục, hay trở nên lung linh đom hoa kết bướm, hoặc có khi lóng lánh “sương sa hạt lựu” dưới ánh mặt trời là đều tùy thuộc vào gu thẩm mỹ và ý thích chọn lựa của người đeo mask.

Những thương hiệu thời trang nổi tiếng trên thế giới như Chanel, Gucci (you name it!) bạn đều thấy có những mẫu thiết kế khẩu trang như một mặt hàng mới nóng hổi được yêu thích. Với chủ đích viết bài này, tôi bèn các có vào thử trang shopping online của thương hiệu Dolce & Gabbana thuộc dòng thời trang Saks Fifth Avenue/ New York xem sao thì tìm thấy một phiên bản khẩu trang lộng lẫy như tranh thêu, được làm từ khăn quàng cổ tuyệt đẹp bán với giá 90 đô-la. Hmm... liệu con siêu vi khuẩn Covid có phân biệt được giá trị vật chất của từng chiếc khẩu trang để tránh xa không nhỉ! Hi hi... có lẽ là không. Nhưng quý cô nếu được tặng chiếc khẩu trang xinh đẹp này thì chắc sẽ mang nó ngay cả khi đi ngủ!

Còn nhớ những ngày đầu mùa dịch vô cùng khan hiếm khẩu trang khắp mọi nơi, tôi biết có những tiệm nails của người Việt Nam phải đóng cửa, chủ tiệm (là một vài cô chú trong đại gia đình Võ Bị của tôi) và toàn bộ những người thợ trong tiệm của mình đã chuyển qua ngồi may mask, làm “hậu phương” sản xuất theo dây chuyền để may được thật nhanh, thật nhiều mask hầu gửi đến tiếp tế đến “tiền tuyến” chống Covid tại các bệnh viện vùng ổ dịch. Ôi! thật cảm động biết bao.

Tôi cũng biết một chị bạn trong suốt mùa dịch đã ở nhà, mỗi ngày cầm cùi bên chiếc máy may để tạo ra những chiếc khẩu trang với những họa tiết như một bức tranh nghệ thuật,

rồi lặng lẽ gửi tặng cho bạn bè và người thân như gửi sự quan tâm và tấm lòng thương mến của mình đến từng người nhận.

Chính những điều trên làm cho thân phận khẩu trang của chúng tôi thêm ý nghĩa khi được người ta nâng niu mỗi khi dùng đến, rồi lại giặt giũ sạch sẽ, kéo dài đời sống ngắn ngủi của chúng tôi vốn dĩ vẫn bị lạnh lùng “disposable” sau một lần sử dụng như trước kia. Tâm lý của người mang khẩu trang cũng dần dà biến chuyển từ “bị” sang “được” mang trên gương mặt những chiếc khẩu trang xinh đẹp thích hợp với ý thích của mình. Chúng tôi che khuất đi nụ cười của họ, nhưng chúng tôi đã khiến cho ánh mắt của họ hân hoan hơn vì sự hiện diện của chúng tôi trên gương mặt thay cho sự miễn cưỡng u buồn.

Dần dà, theo chiều dài thời gian của cơn đại dịch kéo dài hơn cả năm, hầu như tất cả mọi người trên thế giới đều đã “chấp nhận” việc đeo khẩu trang. Đối với một số người, khẩu trang được xem như một thứ khiên, giáp... vâng, một thứ “áo giáp” giúp cho họ mặc vào phòng thân và cảm thấy yên tâm.

Khẩu trang trở nên một thứ “vật bất ly thân” của tất cả mọi người. Đi đến bất kỳ nơi công cộng nào mà thiếu khẩu trang là không xong. Thậm chí ở một số tiểu bang trong tâm dịch, ai không đeo khẩu trang nơi công cộng là bị ghi giấy phạt. Khi bạn bay đến những tiểu bang khác trong thời dịch, mỗi tiểu bang luôn yêu cầu bạn phải điền vào một tờ đơn online ghi rõ ngày giờ đến và đi và nhắc nhở bạn phải tuân thủ luật lệ đeo khẩu trang của tiểu bang đó.

Có một giai đoạn mà CDC (Centers for Disease Control - một cơ quan của chính phủ đặc trách việc phòng chống bệnh truyền nhiễm) đã chính thức khuyến khích người dân nên đeo không những chỉ 1 lớp khẩu trang mà còn nên đeo thêm 2-3 lớp để gia tăng sự an toàn. Làm sao để thở, và làm sao để nói cho rõ bỗng trở thành kỹ năng cá nhân mà mỗi người phải tự rèn luyện cho mình trong mùa Covid.

Vì vậy, các nhà thiết kế không những chú trọng đến “hình

thức” đẹp đẽ của chiếc khẩu trang, mà họ còn chú trọng đến “độ thoải mái” của người đeo khẩu trang. Hầu hết các nhãn hiệu khẩu trang được sản xuất hàng loạt đều có phần kềm mỏng để nâng cao nơi sóng mũi định vị trên gương mặt. Phần 2 quai đeo khoác vào tai cũng được chế biến bằng loại dây thun mềm mại nhất để không bị cọ sát làm đau vành tai mỏng. Nhiên liệu vải để làm khẩu trang cũng mỏng hơn, nhẹ hơn cho... dễ thở, nhưng phải đảm bảo có độ thanh lọc vi khuẩn cao hữu hiệu hơn.

Tuy nhiên, nếu khẩu trang là mặt hàng bán chạy như tôm tươi trong mùa Covid, thì lại có những mặt hàng khác bị rơi vào tình trạng ảm đạm “ê sặc...”. Việc đeo khẩu trang vô hình trung đã gây ảnh hưởng khá bất ngờ đối với ngành mỹ phẩm. Nhu cầu son môi trên thị trường giảm thiểu đến mức báo động, bởi đâu ai còn tha thiết...

*Em về điểm phấn tô son lại  
Ngạo với nhân gian một nụ cười  
(Trích “Cảnh Đoàn Trường” - Thơ Thái Can)*

Ngược lại, nhu cầu về mascara chải lông mi, bút chì kẻ chân mày, lông mi giả ...vv...lại gia tăng đáng kể. Bởi vì người ta cho rằng “đôi mắt” nay mới có cơ hội để trở nên đúng nghĩa là “cửa sổ tâm hồn” (mà không còn sợ sự cạnh tranh của “nụ cười nghiêng nước nghiêng thành” nữa). Đây là nơi duy nhất để ta đọc được chút phản ứng trên gương mặt bị bít bùng của người đối diện. Có giả thiết còn cho rằng, khi đeo khẩu trang, người ta nhìn vào mắt nhau một cách tập trung, thẳng thắn và chân thành hơn. Vì vậy nhu cầu làm đẹp của hơn phân nửa nhân loại nay đổ dồn về việc trang điểm thật kỹ càng và thật đẹp cho đôi mắt để còn có những đôi mi chớp chớp, những ánh mắt liếc đưa xoa dịu tâm hồn người trong mùa Covid “... may mà có em đời còn dễ thương!”

Thế nhưng, chắc ít ai có thể ngờ là khẩu trang cũng có thể suýt trở thành nguyên nhân “làm chia ly đôi lứa chúng mình.”

Tôi biết có một cặp vợ chồng gắn bó với nhau đã lâu. Anh chồng làm việc tại một trung tâm sửa sang bảo trì xe hơi nên vẫn phải làm việc suốt mùa dịch vì nhu cầu phục vụ “essential needs”. Anh rất nghiêm túc trong việc đeo chiếc khẩu trang trông khùng khiếp như mặt nạ phòng hơi độc của anh trong suốt mùa dịch.

Chị vợ, ngược lại, rất ít khi phải mang khẩu trang vì chỉ làm việc một mình trong văn phòng riêng.

Một hôm họ nhận được quà tặng từ một người bạn là một đôi khẩu trang thiết kế theo kiểu “Tình Nhân” tuyệt đẹp màu đỏ có đính những hạt đá kim sa lóng lánh theo một thiết kế rất mỹ thuật.

Chị vui lắm, tíu tít bắt anh cũng phải đeo vào cho đủ đôi rồi lăng xăng đòi chụp hình selfie đem khoe bạn để cảm ơn. Anh miễn cưỡng làm theo lệ vì đàn ông đàn ang, ai lại đeo khẩu trang đỏ loe đỏ loét thế này trông thật chẳng giống ai!

Chợt giữa tháng 6 có một buổi họp mặt nhỏ giữa vài người bạn. Chị hân hoan loan báo: “Hôm đó em sẽ mặc chiếc áo đầm đỏ, đeo mask màu đỏ, anh cũng vậy nhé cho ton-sur-ton.”

Anh nghe bỗng lạnh gáy, rợn da gà!

Vốn biết vợ mình rất mê bài hát “Lady In Red” (của nhạc sĩ Chris De Burgh) từ lâu, nhưng cái viễn ảnh phải đóng bộ làm một “cặp đôi màu đỏ... kể cả cái mỏ” đi dự tiệc khiến anh... rùng mình toát mồ hôi, không biết cách nào thoái thác mà không làm cho vợ giận.

Đúng lúc đó, ngày 15 tháng 6, pháp lệnh đeo khẩu trang tại nơi công cộng được huỷ bỏ (lift off) cùng lúc với lệnh mở cửa trở lại của toàn tiểu bang. Trong niềm vui hân hoan đó, anh đã thoát nạn!

Kể lể dông dài với bạn đọc những buồn vui của thân phận của chúng tôi - những chiếc khẩu trang thời Covid - để bạn thấy rằng cuộc sống của con người luôn luôn thay đổi cũng

như quan niệm và ý thức hệ dành cho mỗi vấn đề.

Ngày nay, người ta không còn bị chính thức bắt buộc phải đeo khẩu trang nữa, nhưng đây vẫn là chọn lựa của những ai lo lắng và muốn bảo vệ sức khoẻ của mình. Nghiên cứu cho thấy rằng “Delta Variant” vẫn có thể “break-thru” những người chưa chích ngừa đầy đủ và vẫn có thể gieo rắc mầm bệnh nguy hiểm đến cho cộng đồng. Vì vậy, chúng tôi vẫn luôn trong tư thế sẵn sàng phục vụ

Xin hãy ý thức được điều trên và xin hãy cầu nguyện cho những biến hoá của siêu vi khuẩn Covid ngừng thay đổi và ngừng lây lan trên khắp thế giới thì mới là lúc mà chúng tôi - những chiếc khẩu trang - mới thật sự vui vẻ hoá kiếp. Mong lắm thay!





## **Một Góc Trời Quê Hương**

*Vi Vân, K20/1*

Những tin tức từ Việt Nam tiếp tục bay sang hằng ngày về tình hình dịch bệnh, về tình trạng thành phố bị phong tỏa, dân chúng thiếu thực phẩm đói khát khôn khổ vô cùng. Lòng Hằng quặn thắt thương xót đồng bào mình nạn kiếp triền miên, không biết bao giờ mới được như các quốc gia khác trên thế giới.

Tuy Hằng đang sống trên một đất nước tự do, sung túc nhưng niềm hoài vọng cố hương luôn ấp ủ trong lòng. Đã mấy mùa Hè rồi Hằng thất hứa với đứa con trai là sẽ đưa con về thăm quê mẹ, nhưng lần lựa mãi mà vẫn chưa thực hiện được. Hằng đưa mắt nhìn ra ngoài sân, hoa phượng tím nở rực suốt con đường. Mùa Hè Cali gợi nhớ những mùa Hè ngày xưa ở quê hương làm sao! Hằng thở dài buồn bã, bỗng có tiếng hát của Jason phát ra từ phòng cậu bé:

*“Chưa bao giờ về Hà Nội. Chưa bao giờ ghé Sài Gòn. Chưa bao giờ thăm xứ Huế. Chưa bao giờ biết Việt Nam.*

*Tôi là con chim lạc bầy từ một chiều xưa. Tôi là mây bay ngàn đời bên trời tha phương. Quê mẹ trong tôi chỉ là vãn chương.*

*Ôi! Quê hương tuyệt vời nằm trên trang giấy. Qua lời ca dao mẹ hời ru nhẹ chiêm bao, nghe nặng nỗi đau biển gọi sóng gào...”*

Hằng hiểu được nỗi lòng của con mình, chính Hằng cũng đang nghe hồn quê thôi thúc réo gọi trở về thăm lại chốn xưa nơi mà bao kỷ niệm chưa phai mờ, nơi có hình ảnh, bóng dáng người anh trai, bạn bè và có anh đang ở một góc trời nào đó trên quê hương mình. Hằng chợt thấy mắt mình cay cay, rồi một vùng trời quá khứ bỗng hiện ra rõ rệt như một cuốn phim đang chiếu trước mắt...



*Sông nước miền Tây của Việt Nam.*

Hằng lớn lên ở miền Tây sông nước, trên một thành phố hiền hòa trầm lặng, dạt dào tình cảm: Thành phố Cần Thơ. Có một ngày vào mùa Hè anh trai Hằng dẫn về nhà một người bạn và nói với mẹ Hằng là anh ta muốn xin ở trọ nhà Hằng để học luyện thi Tú Tài phần 1. Mẹ Hằng rất thương những người hiếu học nên bà nhận lời ngay. Thế là từ đó trong nhà Hằng có thêm người anh trai, không khí gia đình vui vẻ ấm áp hơn trước. Anh ấy tên Đoàn Văn Quân, các bạn anh hay đùa gọi anh là Quân Đoàn. Gia đình anh ở Long Xuyên (An Giang). Ba anh gửi anh học xa nhà vì anh không hợp với mẹ kế của anh. Tuy vậy ba anh rất thương và lo lắng cho anh nhiều. Ông chu cấp tiền bạc và thư từ thăm hỏi anh thường xuyên nên anh

cũng được an ủi phần nào nơi xa nhà, xa người thân.

Suốt mấy tháng Hè hai anh chăm chỉ học hành nên không ai dám làm phiền các anh. Rồi mùa thi đến với kết quả tốt đẹp: cả hai anh đều đậu. Trước khi Quân về Long Xuyên, mẹ Hằng đã làm một bữa tiệc mừng cho hai anh. Vài bạn bè của hai anh cũng đến, một ngày vui nhộn đáng nhớ. Các anh cùng ăn uống, ca hát, phá phách, vui cười thỏa thích. Quân chỉ về quê có một tuần rồi trở lên nhà Hằng ngay. Quân nói anh không muốn ở nhà ba anh, Quân thích nhà Hằng với không khí ấm cúng, vui vẻ, đầy tình nghĩa. Quân xin mẹ Hằng cho anh ở luôn niên học tới.

Thời gian sao nhanh như nước chảy qua cầu, một năm dài trôi qua trong êm đềm thâm lặng, Trong khoảng thời gian đó Quân và Hằng có bao kỷ niệm khó quên. Hằng tuy mới 17 tuổi nhưng tâm hồn đã biết mơ mộng. Cô rất thích thơ, nhất là thơ tiền chiến của Nguyễn Bính, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Tản Đà... Quân thì trái lại rất giỏi Toán Học. Nhận thấy môn Toán của Hằng gần đội sổ trong lớp Quân đề nghị kèm Toán cho Hằng.

Quân có vẻ chỉ dẫn tốt hơn anh trai của Hằng vì khi dạy cho Hằng anh hơi nghiêm khắc. Sau ba tháng môn Toán của Hằng có tiến bộ, tuy không giỏi lắm nhưng ít ra Hằng đã được điểm trên trung bình. Cả nhà Hằng càng quý mến Quân hơn. Cũng trong khoảng thời gian này một thứ tình cảm lạ len lỏi vào tâm hồn cô bé. Mỗi lần sau giờ tan học hoặc Quân đi đâu về trễ là Hằng nôn nóng không yên. Nàng hay nghĩ ngợi, tưởng tượng Quân đang đi chơi, hẹn hò với cô nữ sinh nào đó. Ý tưởng Quân đã có người yêu rồi làm tim Hằng chọt đau nhói. Hằng thường tự hỏi và tự trả lời:

- “Tại sao vậy? Hay là mình đã thương anh ấy rồi? Không đâu, mình chỉ xem anh ấy như anh trai mình thôi...”

Quân biết thổi sáo trúc và đàn guitar như nhiều thanh niên miền Tây khác, vì thời đó phương tiện giải trí ở tỉnh rất hiếm.

Ngoài quán cà phê và rạp xi nê ra, các chàng chỉ giải trí bằng cách chơi đá banh, đàn guitar, thổi sáo trúc... thế thôi. Một hôm Hằng thấy Quân rất buồn, nét mặt đăm chiêu như có tâm sự khó nói ra. Anh ôm đàn và hát:

*“Đời là vạn ngày sầu, biết tìm vui chốn nào? Ta quen nhau bao lâu nhưng tình đã có gì đâu. Nhiều khi anh cũng muốn biết, biết bao giờ hoa nở tình yêu cho lòng anh bớt quạnh hiu khi bóng chiều buông xuống tịch liêu...”*

Hằng nghe như có đũa vỡ nào đó trong tâm hồn anh. Rõ ràng anh đã có người yêu và đang nhớ đến nàng ấy, rồi đây mình sẽ mất anh vĩnh viễn. Không kềm hãm được mình Hằng chạy đến bên Quân hỏi anh:

- Anh Quân, anh đã có người yêu rồi phải không? Anh đang buồn vì cô ấy phải không?

Quân quay sang nhìn Hằng:

- Hằng hiểu lầm anh rồi. Anh đang buồn vì còn hai tháng nữa là đến kỳ thi Tú Tài phần 2. Dù đậu hay rớt anh đều phải xa căn nhà này, xa những người mà anh rất trân quý và nhất là... em.

Hằng mở to mắt nhìn Quân:

- Tại sao vậy?

- Vì nếu thi đậu thì anh phải lên Sài Gòn học, vì ở đây chưa có trường đại học. Nếu thi rớt thì anh phải đi lính, dù thế nào cũng phải xa em thôi.

- Anh nói thật chứ? Em quan trọng với anh vậy sao?

Quân nhìn Hằng lắc đầu:

- Em còn ngây thơ quá, chính vì vậy mà anh không muốn tâm hồn em vương vấn bất cứ điều gì.

Hằng lờ mờ hiểu được ẩn ý của Quân, nàng giục:

- Anh hãy nói rõ cho em biết đi. Đừng để em hoang mang, nghĩ ngợi.

Quân dò xét:

- Hằng biết được ý anh rồi sao?

Hằng gật đầu rồi bỗng òa khóc:

- Tại sao anh không nói cho em biết là anh thương em để cả hai đều khổ như vậy?

Quân đưa tay kéo Hằng vào lòng, vỗ nhẹ vào đầu và lau nước mắt cho cô. Thật lâu Quân lên tiếng:

- Anh thấy em còn trẻ quá, sợ nói ra sẽ làm xáo trộn cuộc sống và việc học hành của em nên anh đành câm lặng.

- Anh định đến khi nào mới nói ra, hay để đến lúc anh có một bóng hình nào khác rồi quên em luôn?

- Không có chuyện đó đâu.

Tình yêu của Hằng bắt đầu từ đó, trong gia đình không ai có thể ngờ được. Có những lần lén nhìn trộm Quân cặm cụi bên trang sách, Hằng biết chàng đang cố gắng học để có kết quả tốt. Tuy vậy Quân vẫn không quên mỗi buổi chiều đến lớp Hội Việt Mỹ đón Hằng về. Những buổi chiều thần tiên đó vẫn còn hằn sâu trong ký ức của cô.

Hai người đi bộ, lang thang theo bờ sông để nhìn hoàng hôn đang dần xuống. Dòng Bassac mênh mông bát ngát, từng cơn sóng nhỏ vỗ nhẹ vào mạn thuyền bè trên sông tạo nên một thứ âm thanh êm êm, triu mến khó tả. Ánh tà dương từ từ lặn xuống bên kia bờ xa, phản chiếu xuống dòng nước. Mặt trường giang bây giờ chỉ còn là một màu vàng lấp lánh tuyệt diệu. Những lúc đó Hằng cảm thấy cuộc đời sao đẹp quá, có Quân bên cạnh nàng được chở che, bảo vệ, chăm sóc ân cần... Ôi! Tình yêu đầu đời của mình sao quá tốt đẹp. Cảm ơn Thượng Đế.

Rồi mùa thi lại đến, Quân và cả anh trai Hằng đều đậu rất cao. Năm nay khác hẳn năm trước, dù hai anh đều đậu nhưng không khí gia đình lại u buồn lặng lẽ vì ai cũng biết là hai anh sẽ lên Sài Gòn học tiếp. Riêng Hằng càng thấy não lòng hơn vì

cô biết Quân đi rồi sẽ không có ngày về lại sống trong gia đình cô nữa. Đêm cuối cùng trước khi chia tay, hai người thức suốt đêm tâm sự. Quân tặng cho Hằng một sợi dây chuyền có mặt hình trái tim với hình của hai đứa. Hằng hốt hoảng hỏi Quân:

- Hằng đâu có chụp hình chung với anh, sao lại có tấm hình này?

- Anh nhờ tiệm chụp hình họ ghép. Em cứ giữ để nhớ anh trong những ngày mình xa nhau. Nếu sau này vì lý do gì chúng ta không sum họp thì em hủy nó đi để chồng em không thắc mắc.

Hằng không biết nói gì chỉ gục đầu vào Quân mà khóc và linh cảm rồi nàng sẽ mất Quân mãi mãi.

Đêm âm thầm trôi, họ ngồi dưới gốc cây ngọc lan ngạt ngào hương thơm nhưng liệu tình yêu này có thơm nồng như hương ngọc lan không? Trời sắp sửa vào Thu, trăng hạ tuần mờ nhạt lơ lửng giữa đỉnh trời, như cũng u buồn thương cảm cho giây phút chia ly của đôi tình nhân trẻ. Dưới ánh sáng mờ ảo, huyền hoặc liêu trai, từng cơn gió nhẹ rít qua kẽ lá tàng cây, tiếng nỉ non của côn trùng hòa theo từng hơi thở tức nghẹn trong lồng ngực của hai người trong cuộc. Ngàn câu muốn nói nhưng chẳng thành lời, vạn nẻo đường đời ai biết ngày sau sẽ ra sao! Thôi phó mặc cho định mệnh, cho duyên số đưa đẩy.

Hôm sau Hằng tiễn chân Quân và anh trai mình ra tận bến xe về Sài Gòn. Tháng Chín trời mưa buồn lất phất, cơn gió lạnh len vào tận tâm hồn người đi, kẻ ở. Xe lăn bánh lâu rồi Hằng vẫn đứng bất động nhìn theo con đường hun hút chạy về xa...

Hai anh lên Sài Gòn không được bao lâu thì nghe tin cả hai cùng nhập ngũ. Hai anh vào thẳng quân trường, mọi sự phân trần, giải bày chỉ bằng những lá thư viết vội vã. Hằng và gia đình chỉ biết cầu nguyện, cầu xin cho hai anh được mọi sự bình an. Những ngày tháng này đối với Hằng vô cùng buồn khổ, vừa lo lắng vừa nhớ thương. Cô bé ngày thơ bỗng chốc

trở thành chinh phụ luôn dõi mắt trông về một phía trời xa, theo dấu từng bước chân anh trên vụn sỏi sông hồ dung rui. Những năm tháng đó là khoảng thời gian khốc liệt nhất của cuộc chiến Việt Nam. Anh trai Hằng tử trận, mẹ nàng như điên như dại khóc thương con. Còn Quân thì bật vô âm tín.

Tin tức từ các đài phát thanh loan truyền làm kẻ ở hậu phương biếng ăn mất ngủ. Nào là những trận đánh của Mùa Hè Đỏ Lửa, trận tái chiếm cố thành Quảng Trị, trận An Lộc - Bình Long,... Hằng chỉ biết Quân đang được tăng viện ra Vùng 1, nhưng không biết ở đâu. Nàng cứ trông đợi một lá thư, một tin tức từ chàng nhưng cánh chim trời còn bay mãi tận phương nào.

Giữa năm 1974, ba Quân mất, anh được mấy ngày phép đặc biệt về tiễn ông đi. Quân ghé qua thăm Hằng và gia đình nàng một đêm rồi vội vã lên đường ngay hôm sau.

Một đêm quý báu của hai người sau mấy năm thương nhớ, trông đợi mỗi mòn, biết bao điều cần tâm sự với nhau. Vẫn vàng trắng năm xưa đó, vẫn hương thơm ngọc lan nhẹ nhẹ tỏa ra nhưng sao nổi sầu càng trĩu nặng. Nắm tay Hằng, Quân không nói lời nào. Chàng lặng lẽ nhìn lên bầu trời bàng bạc hơi sương như đang mang tâm sự u buồn khó tả. Hằng biết rằng đất nước đang trong tình trạng nguy cấp, mất hay còn chưa biết. Ngoài kia súng nổ, đạn rơi, hỏa châu bùng sáng giữa đêm đen, từng đoàn công-voa nối tiếp lên đường... Ai biết rồi anh sẽ ra sao, sẽ thế nào giữa cuộc chiến hãi hùng này?

Thật lâu Quân lên tiếng:

- Anh không biết bao lâu nữa mới được gặp lại em. Những người lính như anh không quyết định được gì cho riêng mình cả em à.

- Em hiểu chứ, em không kỳ vọng gì ở anh đâu. Em chỉ mong anh được mạnh khỏe, bình an ngoài chiến trường, qua được giai đoạn khó khăn này thôi. Em cũng biết anh không có thì giờ để nghĩ đến một người con gái khác ngoài em. Hằng

tin tưởng nơi anh mà.

Quân nhìn Hằng trĩu mến và khẽ gật đầu. Đêm chìm sâu trong tĩnh mịch đến rợn người, một vì sao vừa rụng xuống cuối trời xa, mắt Hằng chợt ướt...

Sau ngày đó Quân trở về đơn vị và cũng là lần cuối cùng Hằng không còn gặp Quân nữa.

Tình hình chiến sự càng căng thẳng, gay gắt, bi đát cho đến cuối tháng Tư 1975 thì mọi sự đã đổi thay. Miền Nam thất thủ, Hằng cùng mẹ và các em theo người cậu di tản sang Hoa Kỳ. Từ đó đôi bờ đại dương ngăn cách, Hằng không biết tin tức gì về Quân cả. Nàng vẫn mang trong lòng nỗi nhớ thương về người cũ dù không biết anh đã ra sao. Hằng nhờ người bạn quê ở Long Xuyên tìm kiếm gia đình Quân nhưng họ không còn ở đó nữa. Không ai biết họ về đâu!

Nơi xứ người Hằng miệt mài làm việc để nuôi mẹ và các em. Mỗi độ Hè về nàng không khỏi ngậm ngùi nhớ về những mùa Hè năm xưa, thật đẹp, thật nên thơ, ngọt ngào, êm đềm, mát dịu như dòng nước quê hương. Hy vọng gặp lại Quân không còn nữa, Hằng vâng lời mẹ lập gia đình với Huy. Huy cũng từng đi tù và trước 75 chưa lập gia đình nên giờ này vẫn còn độc thân. Huy cũng có người yêu cũ nên anh thông cảm cho nỗi lòng của vợ, không tỏ vẻ ghen tương gì với quá khứ của Hằng. Hằng và chồng có một đứa con trai tuấn tú, đáng yêu là Jason. Cậu bé hay hỏi mẹ, hay tìm hiểu về quê hương Việt Nam bên kia bờ đại dương. Qua lời mẹ, Jason rất yêu mến quê mẹ và luôn mơ ước một ngày được nhìn thấy Việt Nam. Cậu học tiếng Việt, nói rất rành, ca tiếng Việt cũng rất hay.

Một chiều Chủ Nhật đi lễ nhà thờ, Hằng tình cờ gặp lại một người bạn cũ, cô ấy biết rõ về gia đình Quân. Cô ta cho biết Quân vẫn còn sống và hiện đang cư ngụ trong một quận thuộc tỉnh Hậu Giang. Anh trai cô ấy ở gần nhà Quân và thân thiết với Quân lắm. Nhân cơ hội này, Hằng xin địa chỉ của Quân và



viết liền một lá thư cho chàng. Một tháng sau Hằng nhận được bức thư hồi âm của Quân. Rất nhiều năm rồi, giờ nhìn thấy nét chữ quen quen ngày xưa Hằng vô cùng xúc động, ngực như nghèn nghẹn, tim hồi hộp bấn loạn, tay run run mở thư Quân ra đọc.

Trong thư Quân kể rằng khi miền Nam thất thủ anh đang ở miền Trung. Vất vả, khó khăn lắm anh mới tìm đường về quê Long Xuyên của anh. Từ nhỏ Quân ở xa nhà nên hàng xóm không biết nhiều về anh. Gia đình anh nói với mọi người anh chỉ là lính thôi nên Cộng Sản không để ý đến anh và anh cũng không phải đi “học tập cải tạo” như bao sĩ quan QLVNCH khác. Anh từng lên Cần Thơ tìm Hằng nhưng gia đình Hằng đã di tản rồi nên anh chọn quận Phụng Hiệp của tỉnh Hậu Giang ở luôn nơi đó vì có gia đình Di của anh. Hai lần Quân vượt biên định ra nước ngoài tìm Hằng nhưng đều thất bại. Không còn hy vọng gì anh đành bắt đầu cuộc sống của một nông dân cho qua ngày tháng. Vì Quân trốn không đi tù nên anh cũng không có cơ hội đi Mỹ theo diện HO.

Tuyệt vọng, chán nản Quân ngậm ngùi với số phận và thầm cầu mong cho Hằng sớm quên chàng mà sống vui vẻ. Để vơi bớt buồn đau vì thời cuộc, vì lạc mất người yêu, anh mở lớp dạy đàn guitar cho các em học sinh nơi đây cho khuây khỏa. Nhờ vậy cũng có một số người gọi anh bằng thầy, điều đó cũng an ủi phần nào cho anh nông dân bất đắc dĩ. Quân cũng đã thành hôn với một cô gái địa phương và có hai con trai. Cuộc sống tạm yên ổn nhưng vẫn không thể phôi phai hình ảnh người yêu. Giờ liên lạc được nhau thì đã quá muộn màng nên Quân bảo Hằng hãy xem anh như anh trai ngày xưa và mong em, cháu có dịp về thăm quê hương một chuyến, anh sẽ chờ Hằng.

Đọc thư Quân Hằng an tâm và vui mừng không xiết. Thế là mọi sự đều tốt đẹp, Hằng có được người chồng đáng kính, một đứa con ngoan; Quân cũng có vợ hiền, con giỏi thì còn gì hơn?

Chuyện ngày xưa như con nước trôi theo dòng, xa bờ bên rồi không bao giờ quay về chốn cũ được. Giờ chỉ còn là những kỷ niệm đẹp để làm hành trang trong cuộc sống. Hằng rất cảm động vì biết rằng nơi đó, ở một góc trời xa xôi đó anh đang sống, đang dùng những tiếng đàn trầm bổng du dương cho tâm hồn lắng dịu nỗi xót xa, đau buồn để sống với vợ con trong những tháng ngày còn sót lại. Hằng biết rằng trong tim anh vẫn có một khoảng dành cho nàng nhưng bổn phận, trách nhiệm hiện tại anh không thể nào chối bỏ. Hằng lẩm bẫm:

- Anh an tâm, em vẫn là em gái của anh ngày nào. Ngày đó mình bắt đầu bằng tình anh em, rồi sau đó thành tình yêu, bây giờ trở lại vẫn là tình anh em. Em sẽ về thăm anh, thăm vùng trời quê hương sau bao năm xa cách.

Tiếng hát của Jason vẫn còn vang vang:

*“...Ai về quê hương nhật giùm vài ba nhánh lúa. Ôm chặt trong tay bồi hồi nghe lòng say say. Quê mẹ tôi đây, quê mẹ tôi đây.*

*Chưa bao giờ về Hà Nội. Chưa bao giờ ghé Sài Gòn. Chưa bao giờ thăm xứ Huế. Nhưng tôi là... người Việt Nam...”*

Hằng bước tới cửa phòng Jason nhìn con mỉm cười thầm nói:

- Mẹ sẽ đưa con về thăm Việt Nam vì ở một góc trời quê hương đó có một người đang trông ngóng, mong đợi chúng ta về từng ngày, từng giờ. Mẹ sẽ đưa con về, Jason ạ!

*Cali mùa Hè 2021*

# CÁC SƯ ĐOÀN BỘ BINH QLVNCH

*Bùi Quyền, K16*

*(tiếp theo)*

## 5. Sư Đoàn 2 Bộ Binh:

Sư Đoàn 2 Bộ Binh được thành lập ngày 1/2/1955, theo các Nghị Định 041-QP/ND ngày 10/2/1955, và các Sắc Lệnh TTM 1,065/TLM/DEQK/1/5 ngày 21/1/1955 và 0821/TTM/1/1/SC 14/2/1955.

Sư Đoàn 2 là hậu thân của Liên Đoàn 32 Lưu Động được thành lập tại miền Bắc Việt Nam vào ngày 3/11/1953. Sau Hiệp Định Genève vào tháng 7 năm 1954, Liên Đoàn gồm 3 tiểu đoàn, các đơn vị pháo binh yểm trợ, cùng các đơn vị phụ thuộc các Ban của Bộ Tư Lệnh được hải vận từ Hải Phòng đến Nha Trang, rồi đến Đà Nẵng. Mặc dầu không xác định được văn bản thành lập Liên Đoàn 32, Liên Đoàn 32 Lưu Động được chính thức giải tán vào tháng 12 năm 1954, trên thực tế.

*(Hai liên đoàn lưu động khác là Liên Đoàn 21 và Liên Đoàn 31 đã được giải tán ngày 15/12/1954.) (Độc lịch sử của*



Sư Đoàn 1 Bộ Binh để biết chi tiết.)

Trung Tá Tôn Thất Đình, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 32 Lưu Động trở thành vị Tư Lệnh đầu tiên của tân Sư Đoàn 32 Dã Chiến mà cốt lõi là Bộ Chi Huy và các đơn vị khác của liên đoàn lưu động cũ. Một số các đơn vị khác di tản từ miền Bắc vào cũng được sát nhập vào sư đoàn. Mặc dầu sắc lệnh thành lập định rõ là ngày 1/2/1955, nhưng một trong các sắc lệnh xác định ngày 1/1/1955 là ngày chính thức.

Sư Đoàn 32 được cải danh thành Sư Đoàn 32 Dã Chiến vào ngày 1/8/1955. Ngày 1/11/1955, Sư Đoàn 32 Dã Chiến trở thành Sư Đoàn 2 Dã Chiến. Lần đổi tên chót là vào tháng 1/1959 khi Sư Đoàn trở thành **Sư Đoàn 2 Bộ Binh**.

Khởi thủy Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn nằm tại Đà Nẵng, nhưng sư đoàn đã sớm tham dự cuộc Hành Quân Giải Phóng (“Liberation”) (Tên gọi cuộc hành quân của quân đội Quốc Gia Việt Nam, vào thời gian này.) Trong cuộc hành quân Giải Phóng, sư đoàn dành quyền kiểm soát các tỉnh phía Nam Quảng Ngãi và Bình Định (Liên Khu 5 Cộng Sản), qua chín giai đoạn, kể từ 22/4/1955 và kết thúc ngày 17 tháng 5.

*(Cuộc hành quân diễn ra một cách êm ả, căn cứ theo Nghị Định Thứ 27, Hiệp Định Genève.)*

Về phần mình, Sư Đoàn 32 đổ bộ xuống hải cảng Quảng Ngãi của Sa Huỳnh, và sau đó dành quyền kiểm soát các khu vực từ Tam Quan đến Phù Cát của tỉnh Bình Định.

Sư Đoàn 2 thông thường hoạt động tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, và Quảng Tín (tách ra khỏi Quảng Nam năm 1962), mặc dù năm 1963 Trung Đoàn 4 được gửi xuống vùng châu thổ sông Cửu Long vài tháng. Trong quá khứ, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn luân phiên đóng giữa Đà Nẵng và Quảng Ngãi. Tháng 5 năm 1965, Bộ Tư Lệnh di chuyển từ Đà Nẵng xuống Quảng Ngãi. Cuối cùng đầu năm 1972, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn đã di chuyển từ “thành lũy” (một căn cứ quân sự cổ xưa

- “citadel”) Quảng Ngãi tới một căn cứ Chu Lai của Mỹ trước đây, phía Nam tỉnh Quảng Tín.

Các Trung Đoàn 4, 5, và 6 Bộ Binh (*vào trước tháng 11 năm 1955 là các Trung Đoàn 32, 155, và 31*) là các đơn vị phụ thuộc của Sư Đoàn 2 từ năm 1955. Tiểu Đoàn 1 của Trung Đoàn 6, cùng với 2 tiểu đoàn hiện đang thuộc Sư Đoàn 21 Bộ Binh được tin rằng là đơn vị lâu nhất của quân lực VNCH. Lúc đầu, Tiểu Đoàn 1 mang tên Đệ Nhị Tiểu Đoàn Việt Nam, được thành lập vào ngày 1/10/1949 tại Thái Bình, Bắc Việt.

### **Danh tính các vị Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh:**

- Đại Tá Tôn Thất Đính:	1/01/1955	2/11/1956
- Trung Tá Đặng Văn Sơn:	2/11/1956	14/06/1957
- Trung Tá Lê Quang Trọng:	14/06/1957	23/08/1958
- Đại Tá Dương Ngọc Lắm:	23/08/1958	8/06/1961
- Đại Tá Lâm Văn Phát:	8/06/1961	18/06/1963
- Đại Tá Trương Văn Chương:	18/06/1963	6/12/1963
- Chuẩn Tướng Tôn Thất Xứng:	6/12/1963	30/01/1964
- Chuẩn Tướng Ngô Dzu:	30/01/1964	29/07/1964
- Đại Tá Nguyễn Thanh Sảng:	29/07/1964	15/10/1964
- Th. Tướng Hoàng Xuân Lãm*:	15/10/1964	10/01/1967
- Thiếu Tướng Nguyễn Văn Toàn:	10/01/1967	22/01/1972
- Chuẩn Tướng Phan Hòa Hiệp:	22/01/1972	27/08/1972
- Chuẩn Tướng Trần Văn Nhựt:	27/08/1972	30/04/1975

\* *Đồng đảm nhiệm chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn 1 từ 30/5/1966.*

### **6. Sư Đoàn 22 Bộ Binh:**

Sư Đoàn 22 Bộ Binh được thành lập ngày 1/4/1959, theo các Sắc Lệnh TTM/ 5116/ TTM/ 1/1/MK 12/12/1959 và Sắc Lệnh TTM/1029/TTM/1/1/MK 28/2/1959)

Sư Đoàn 22 Bộ Binh là một trong 3 sư đoàn bộ binh được thành lập năm 1959 theo kế hoạch dẹp bỏ các sư đoàn khinh chiến và dã chiến để thay thế bằng các sư đoàn đúng với tiêu

chuẩn ấn định của một sư đoàn bộ binh. Sư Đoàn 22 Bộ Binh được hình thành từ 2 Sư Đoàn 12 và 14 Khinh Chiến. Hay nói một cách khác thì Sư Đoàn 22 Bộ Binh chính là hậu thân của Sư Đoàn 14 Khinh Chiến.

Vào ngày 1/8/1955, sáu sư đoàn khinh chiến chính thức thành hình với các trung đoàn hầu như đã có sẵn các tiểu đoàn hiện diện. Bản doanh Sư Đoàn 2 Khinh Chiến được đặt tại KonTum ở cao nguyên Trung Việt. Tuy vậy, từ khởi thủy 8 trong 9 tiểu đoàn nằm trong 3 Trung Đoàn 103, 104, và 105 đã được thành lập tại vùng châu thổ sông Cửu Long.

Vào ngày 1/11/1955, Sư Đoàn 2 Khinh Chiến biến thành Sư Đoàn 12 Khinh Chiến. Các Trung Đoàn 103, 104, và 105 được sửa đổi tên thành các Trung Đoàn 34, 35, và 36. Sư đoàn này và các trung đoàn phụ thuộc đã được giải thể vào năm 1959, vì thế các trung đoàn này được sát nhập vào tân Sư Đoàn 22 Bộ Binh.

Sư Đoàn 4 Khinh Chiến cũng đã được thành lập ngày 1/8/1955. Hậu cứ ban đầu của sư đoàn đặt tại thị xã Ban Mê Thuột của tỉnh Đắk Lắk, nhưng sau một thời gian ngắn đã chuyển về thành phố ven biển Qui Nhơn. Hầu như các quân nhân trong sư đoàn đều có gốc gác từ vùng cao nguyên. Vào ngày 1/11/1955, Sư Đoàn 4 Khinh Chiến được đổi số lại thành Sư Đoàn 14 Khinh Chiến và các Trung Đoàn 401, 402, và 403, sau đó đổi tên thành các Trung Đoàn 40, 41 và 42.

Đầu năm 1956, sư đoàn đã tham dự và đạt thắng lợi trong cuộc hành quân tại vùng châu thổ sông Cửu Long nhằm diệt trừ các lực lượng võ trang của “Tướng” Ba Cụt Lê Quang Vinh và các lãnh tụ Hòa Hảo chống đối chính phủ.

Kế hoạch thành lập Sư Đoàn 22 Bộ Binh khởi sự từ năm



1958. Đầu năm 1959, hậu cứ Sư Đoàn 14 Khinh Chiến và Trung Đoàn 41 nằm tại KonTum. Trung Đoàn 40 nằm tại DakTo, 45 km Bắc KonTum, trong khi Trung Đoàn 42 nằm tại Phú Thạnh trên Quốc Lộ 1 và ở phía Tây Qui Nhơn 15km. Vào ngày 31/3/1959, Sư Đoàn 12 Khinh Chiến chấm dứt sự hiện diện. Ngày hôm sau Sư Đoàn 14 Khinh Chiến chính thức đổi thành Sư Đoàn 22 Bộ Binh.

Tháng 11 năm 1960, sư đoàn được giao phó trách nhiệm giữ an ninh hai tỉnh PleiKu và KonTum. Hậu cứ sư đoàn tiếp tục đặt tại KonTum. Vì tình hình quân sự thay đổi, sư đoàn được chuyển về vùng duyên hải trong tháng 3 năm 1965 và được trao trách nhiệm bảo vệ các tỉnh Bình Định, Phú Yên, và Phú Bổn. Bản doanh sư đoàn được chuyển về Bà Gi, nằm ở 15km phía Tây Bắc thị xã Qui Nhơn, tỉnh Bình Định.

Năm 1966, Trung Đoàn 47 Biệt Lập được sát nhập vào sư đoàn. Trung đoàn này hình như được thành lập vào đầu thập kỷ 1960 (*Trung Đoàn 47 trước đó, một bộ phận thống thuộc Sư Đoàn 16 Khinh Chiến tại Quảng Trị được thành lập ngày 1/11/1954 và bị giải thể ngày 31/3/1959.*) Tháng 4 năm 1962, Trung Đoàn 47 hoạt động tại tỉnh Phú Yên để yểm trợ Sư Đoàn 9 Bộ Binh. Tháng 4 năm 1963, một thành phần của Trung Đoàn 47 ở Quảng Ngãi hành quân hỗ trợ Sư Đoàn 25 Bộ Binh. Ngày 1/11/1963, Trung Đoàn 47 sát nhập vào Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Trung đoàn hoạt động biệt lập trở lại ngày 16/10/1965, nhưng sau đó đã sớm gia nhập vào Sư Đoàn 22 Bộ Binh.

Cuối năm 1965, Trung Đoàn 42 rời Sư Đoàn 22 Bộ Binh và sát nhập vào Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Tuy nhiên trung đoàn hoạt động biệt lập trở lại ngày 1/7/1966 và được đặt thuộc quyền Biệt Khu 24 tân lập (thuộc lãnh thổ tỉnh Kon Tum). Biệt khu bị hủy bỏ ngày 30/4/1970 và ngày hôm sau, Trung Đoàn 42 Bộ Binh gia nhập Sư Đoàn 22 Bộ Binh. Tiền doanh của sư đoàn được đặt tại Tân Cảnh, DakTo trong tỉnh KonTum.

Đầu năm 1972, sư đoàn có 2 Trung Đoàn 40 và 41 tại Bình Định. Vì những biến chuyển dữ dội suốt giai đoạn CS tiến công năm 1972, tiền doanh của sư đoàn tại Tân Cảnh bị tràn ngập và vị tư lệnh sư đoàn bị mất tích trong khi giao tranh. Hai trung đoàn tại vùng cao nguyên được rút xuống Bình Định để tái trang bị cùng với hai trung đoàn đang trú đóng tại tỉnh này. Cả hai trung đoàn này cũng bị thiệt hại nghiêm trọng năm 1972.

Vào cuối năm 1972, Sư Đoàn 22 Bộ Binh sau khi đã tái trang bị liền tái khai thông hành lang Quốc Lộ 1 tới Bắc Bình Định. Đầu năm 1973, cả 4 trung đoàn đều nằm tại Bình Định. Tuy vậy vào cuối năm đó cả bốn trung đoàn đều được tái phối trí tại khu vực KonTum, PleiKu.

Kể từ đầu 1973, Sư Đoàn 22 Bộ Binh đã đặt bản doanh tại An Sơn, một căn cứ Đại Hàn trước kia nằm tại phía Tây Qui Nhơn chừng 15km.

#### **Danh tính các vị Tư Lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh:**

- Trung Tá Trần Thanh Chiêu *:	1/04/1959	8/09/1959
- Trung Tá Nguyễn Bảo Trị:	8/09/1959	5/11/1963
- Đại Tá Nguyễn Thanh Sảng:	5/11/1963	5/02/1964
- Ch. Tướng Linh Quang Viên:	5/02/1964	7/9/1964
- Đại Tá Nguyễn Văn Hiếu:	7/09/1964	24/10/1964
- Ch. Tướng Nguyễn Xuân Thịnh:	24/10/1964	1/04/1965
- Ch. Tướng Nguyễn Thanh Sảng:	1/04/1965	28/06/1966
- Ch. Tướng Nguyễn Văn Hiếu:	28/06/1966	11/08/1969
- Ch. Tướng Lê Ngọc Triển:	11/08/1969	1/03/1972
- Đại Tá Lê Đức Đạt**:	1/03/1972	1/04/1972
- Ch. Tướng Phan Đình Niệm:	2/04/1972	30/04/1975

\*Trung Tá Chiêu, Tư Lệnh Sư Đoàn 14 Khinh Chiến, tiền thân của Sư Đoàn 22 Bộ Binh, ngày 28/3/1958.

Các vị tư lệnh khác của Sư Đoàn 14 Khinh Chiến là Trung Tá Nguyễn Văn Chuân (1/8/1955), Trung Tá Lê Huy Duyên (19/2/1957), Trung Tá Hồ Văn Tô (14/6/1957).



\*\* Thất tung ngày 22/4/1972.

## 7. Sư Đoàn 18 Bộ Binh:

Sư Đoàn 18 Bộ Binh được thành lập ngày 16/5/1965, theo Nghị Định 486-QP/ND 5/8/1965 và Sắc Lệnh 1,133/TTM/P3/4/QC/K 18/5/1965.



Sư Đoàn 18 Bộ Binh (*khởi thủy là Sư Đoàn 10 khi được thành lập năm 1965*) đã đặt ba trung đoàn biệt lập thành các đơn vị thống thuộc dưới quyền điều động của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn. Các trung đoàn này đã ngưng nhiệm vụ biệt lập kể từ ngày 16/5/1965 là lúc sư đoàn được chính thức thành lập trong lúc chờ nghị định ban hành (*mà mãi đến tháng 8 năm đó mới nhận được nghị định*).

Hậu cứ của Sư Đoàn được đặt tại Xuân Lộc, tỉnh lỵ của tỉnh Long Khánh, nằm cách Sài Gòn về phía Đông 70 cây số, mặc dù Sư Đoàn đôi khi vẫn duy trì một Bộ Tư Lệnh nhẹ nằm tại một căn cứ của cố vấn Hoa Kỳ tại Vùng 3 trước kia, kế cận căn cứ Long Bình. Sư Đoàn 18 Bộ Binh có ba trung đoàn, bao gồm: Trung Đoàn 43 tại tỉnh Long Khánh; Trung Đoàn 48 tại Tân Uyên, phía Bắc Biên Hòa 15 km; và Trung Đoàn 52 tại thị xã Bà Rịa, tỉnh Phước Tuy. (*Trong đó, một tiểu đoàn trực chiến tại phi trường Tân Sơn Nhất, Sài Gòn.*)

Muốn nói về tiểu sử của ba trung đoàn người ta phải kể lùi lại từ năm 1955. Trung Đoàn 43 chính thức ra đời vào ngày 1/8/1955, bắt đầu hoạt động tại Ninh Hòa, phía Bắc thị xã Nha Trang thuộc tỉnh Khánh Hòa 33 km. Lúc đó, Trung Đoàn 404 của Sư Đoàn 5 Kinh Chiến, sau đó trở thành Trung Đoàn 43 của Sư Đoàn 23 (*sau nhiều lần thay đổi về danh xưng*). (Tiểu sử của Sư Đoàn 23).

Vào ngày 1/11/1963, sau những lần điều chỉnh tên các Quân

Đoàn được và việc phân chia ranh giới các Vùng Chiến Thuật đã hoàn tất, Sư Đoàn 23 Bộ Binh trực thuộc Vùng 2. Tuy nhiên, Trung Đoàn 43 được tiếp tục duy trì tại Vùng 3, như là một trung đoàn biệt lập. Khu vực hoạt động của trung đoàn này tại Long Khánh và Bình Tuy, tiếp tục được coi là một phần lãnh thổ của Vùng 3 Chiến Thuật. Dù Trung Đoàn 48 được thành lập trong tháng 8 năm 1955, như một bộ phận của Sư Đoàn 16 Kinh chiến đã giải thể tại tỉnh Quảng Trị, Trung Đoàn 48 Bộ Binh hiện tại hoàn toàn không liên hệ với đơn vị trước trừ tên giống nhau. Trung đoàn đích thực là Trung Đoàn 32 của Sư Đoàn 21 Bộ Binh với tên mới.

Từ năm 1961 đến đầu năm 1963, Trung Đoàn 32 đóng quân tại Tây Ninh. Cũng vào thời gian này ngày 16/3/1963, một tân Trung Đoàn 48 đã được thành lập, như một đơn vị biệt lập ở Ba Xuyên trong vùng châu thổ sông Cửu Long. Toàn bộ Sư Đoàn 21 được ấn định hoạt động tại khu vực châu thổ sông Cửu Long, cũng như tên của hai trung đoàn được đề nghị thay đổi, qua một nghị định của Bộ Quốc Phòng đề ngày 14/2/1963. *(Xin xem tiểu sử của Sư Đoàn 21 Bộ Binh để tìm hiểu thêm về nguồn gốc của Sư Đoàn này.)*

Trung Đoàn 52 khởi thủy là Trung Đoàn Địa Phương Quân 135, được thành lập ngày 1/8/1955 để phục vụ vùng Sài Gòn của Quân Khu 1 xưa kia (nay thuộc Quân Khu 3), hậu cứ nằm gần tòa tỉnh trưởng Gia Định ngay ven thành phố Sài Gòn. Lúc đầu, đơn vị này có nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, lính gác, tài xế và các loại nhân viên cho các doanh trại quân sự cũng như các cơ sở chỉ huy trong khu vực Sài Gòn. Trước năm 1963, trung đoàn này được nâng cấp lên dạng chính qui và đặt tên là Trung Đoàn 52.

Ngày 1/1/1967, Sư Đoàn 10 Bộ Binh được đổi tên thành Sư Đoàn 18 Bộ Binh, với lý do số mười mang nghĩa xấu. *(Theo phong tục Việt Nam, số 10 có nghĩa là bù, là zero, là chót bết, là thua hết.)* Khu vực trách nhiệm của Sư Đoàn 18 Bộ Binh chịu trách nhiệm vùng lãnh thổ phía Đông Quân Khu 3. Tuy

nhiên, đôi khi sư đoàn cũng được sử dụng tại các nơi khác trong vùng. Giữa năm 1972, Sư Đoàn 18 Bộ Binh đã được khai triển tại khu vực bao quanh thị trấn An Lộc của tỉnh Bình Long.

### **Danh tính các vị Tư Lệnh Sư Đoàn 18 Bộ Binh:**

- Đại Tá Nguyễn Văn Mạnh: 5/06/1965 20/08/1965
- Chuẩn Tướng Lữ Lan: 20/08/1965 16/09/1966
- Chuẩn Tướng Đỗ Kế Giai: 16/09/1966 20/08/1969
- Thiếu Tướng Lâm Quang Thơ: 20/08/1969 4/04/1972
- Chuẩn Tướng Lê Minh Đảo: 4/04/1972 30/4/1975

### **8. Sư Đoàn 9 Bộ Binh:**



Sư Đoàn 9 Bộ Binh được thành lập ngày 1/1/1962, theo Nghị Định 004-QP/ND 2/1/1962 và Sắc Lệnh TTM 1637/TTM/1/1/K 9/12/1961.

Sư Đoàn 9 Bộ Binh là một trong hai sư đoàn Bộ Binh của Quân Lực VNCH (*Sư đoàn kia là Sư Đoàn 21 Bộ Binh*) đã được thành lập trong năm 1962 như là một phần nằm trong kế hoạch gia tăng lực lượng quân đội chính qui thêm 30.000 người. Sư đoàn 9 hoàn toàn mới mẻ và ngày 16/8/1962 đã hoàn tất xong giai đoạn tổ chức và huấn luyện.

Mặc dầu đã từng có thời gian quen thuộc khá lâu dài với đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, song Sư Đoàn không có gốc gác ở đây. Hậu cứ đầu tiên của Sư Đoàn là tại Phú Thạnh thuộc tỉnh Bình Định. Phú Thạnh tọa lạc trên Quốc Lộ 1 ngay khi rẽ khỏi Qui Nhơn nằm cách đó 15 cây số. Nhân lực của tân Sư Đoàn từ khởi thủy đã được rút ra các đơn vị bộ binh khác cũng như từ các quân trường và các trung tâm huấn luyện.

Trung đoàn đầu tiên của sư đoàn là Trung Đoàn 15, được thành lập ngày 5/3/1962 và được huấn luyện tại trung tâm Dục Mỹ thuộc tỉnh Khánh Hòa. Trung Đoàn 14 được thành lập ngày 2/4/1962. Trung Đoàn 13 thành lập ngày 7/5/1962 đã được huấn luyện ban đầu tại trung tâm huấn luyện riêng biệt của Sư Đoàn nằm tại Phú Thạnh.

Lúc đầu Trung Đoàn 13 đóng tại Phú Thạnh, Trung Đoàn 14 đóng tại Phù Cát, khoảng 39 cây số về phía Bắc, và Trung Đoàn 15 đóng tại Tuy Hòa trong tỉnh Phú Yên. Khu vực trách nhiệm của sư đoàn lúc đó là khu Chiến Thuật 21, lúc đầu bao gồm cả hai tỉnh Bình Định và Phú Yên. Vào tháng Giêng năm 1963, sư đoàn chịu trách nhiệm thêm tỉnh Phú Bổn (tháng 9 năm 1962).

Vì tình hình an ninh tại vùng châu thổ sông Cửu Long xấu dần nên Sư Đoàn 9 Bộ Binh được chuyển về phía Nam. Vào ngày 28 tháng 9, hậu cứ của Sư Đoàn được đặt ở Sa Đéc (*lúc đó là một phần đất của tỉnh Vĩnh Long*). Cùng lúc, hai Trung Đoàn 14 và 15 được tàu thủy và phi cơ đưa về dàn trải tại hai tỉnh Vĩnh Bình và Kiến Hòa. Đầu tháng 10, Trung Đoàn 13 nổi gót theo, lúc đầu được đưa tới Kiên Giang.

Trong lần đảo chính tháng 11 năm 1963, các thành phần đơn vị của Sư Đoàn 9 Bộ Binh đáng lẽ đã tiếp cứu Tổng thống Diệm. Tuy nhiên, Đại Tá Nguyễn Hữu Có nắm giữ quyền chỉ huy Sư Đoàn 7 Bộ Binh tại Mỹ Tho đã ra lệnh các phà phải neo ở bờ phía Bắc sông Cửu Long, đã ngăn Sư Đoàn 9 Bộ Binh không cho vượt sông. Là một sĩ quan trung thành với Đệ Nhất Cộng Hòa nên sáu ngày sau, Đại Tá Bùi Dzinhh, Tư Lệnh Sư Đoàn 7, phải ra trước Hội Đồng Kỷ Luật Quân Đội và bị cách chức, sau cuộc đảo chính lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Từ năm 1963, Sư Đoàn 9 Bộ Binh gần như đã mở các cuộc hành quân tại tất cả các tỉnh thuộc Vùng 4, lúc bấy giờ. Năm 1969, sư đoàn trở thành lực lượng lưu động cho Vùng 4, được

đưa đến các địa điểm xáo trộn trải dài từ Kiên Giang tới Định Tường. Tháng 4 năm 1970, Sư Đoàn 9 Bộ Binh đã vượt biên giới sang Cao Miên trong đợt đầu của hàng loạt các chiến dịch liên tục diễn biến suốt giai đoạn từ 1970 đến 1972.

Giữa năm 1972, Trung Đoàn 15 được đưa lên Vùng 3 để tham dự hành quân với ý định khai thông Quốc Lộ 13, dẫn vào thủ phủ An Lộc của tỉnh Bình Long. Tuy nhiên kế hoạch đã không thành công. Một thời gian tương đối ngắn ngủi sau đó, Sư Đoàn 9 đã quay về vùng châu thổ sông Cửu Long.

Vào ngày 5/4/1972, hậu cứ của Sư Đoàn 9 Bộ Binh đã chuyển từ Sa Đéc đến một cơ sở trước đây của Hoa Kỳ tại phi trường Vĩnh Long (*phía Tây của tỉnh Vĩnh Long*). Vào ngày 1/3/1967, Trung Đoàn 13 đã cải danh thành Trung Đoàn 16, để tránh con số 13 xui xẻo.

#### **Danh tính các vị Tư Lệnh Sư Đoàn 9 Bộ Binh:**

- |                              |            |            |
|------------------------------|------------|------------|
| - Đại Tá Bùi Dzinh:          | 1/1/1962   | 7/11/1963  |
| - Đại Tá. Đoàn Văn Quảng:    | 7/11/1963  | 9/02/1964  |
| - Chuẩn Tướng Vĩnh Lộc:      | 9/02/1964  | 29/05/1965 |
| - Chuẩn Tướng Lâm Quang Thi: | 29/05/1965 | 3/07/1968  |
| - Thiếu Tướng. Trần Bá Di:   | 3/07/1968  | 26/10/1973 |
| - Chuẩn Tướng Huỳnh Văn Lạc: | 26/10/1973 | 30/04/1975 |

(*còn tiếp*)